

Bản án số: 08/2025/DSST

Ngày: 11/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vân, Ông Nguyễn Hạ Tuấn.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tường Thị Lan, Cán bộ TAND huyện UH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khuyến, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 25/3/2025, giữa các đương sự:

*** Đồng các nguyên đơn:**

1. Chị **Nguyễn Thị Hằng N**, sinh năm 1977, Địa chỉ: số 14B, ngõ 14 HN, TH, CG, Hà Nội (*có mặt*).

2. Chị **Nguyễn Thị Thuý Đ**, sinh năm 1972, Địa chỉ: TDP MT, NTL, Hà Nội (*có mặt*).

3. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977, Địa chỉ: Căn 0412, Toà C, Imperia Garden, 203 NHT, TXT, TX, Hà Nội. (*có mặt*).

Người đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn: bà Nghiêm Thị N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 26, VHng, quận HM, TP Hà Nội (*có mặt*).

*** Bị đơn:** Chị **Đặng Thị T1**, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT: thôn LK, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội (*vắng mặt*).

NHẬN THẤY:

* *Theo Đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đồng nguyên đơn cùng người đại diện theo uỷ quyền đều thống nhất trình bày:* Khoảng đầu năm 2023 đồng nguyên đơn có đi Spa nên quen với chị Đặng Thị T1 tại cửa hàng Spa của chị T1 ở căn hộ số 711, toà B, chung cư Thống Nhất Complex, số 82 Nguyễn Tuân, quận TX, thành phố Hà Nội.

Một lần chị T1 nói với đồng nguyên đơn đang nhập lô hàng mỹ phẩm để bán và làm spa, chị T1 thiếu tiền nên hỏi vay đồng nguyên đơn, do tin tưởng chị T1 là người làm ăn uy tín nên đồng nguyên đơn đã cho chị T1 vay số tiền như sau:

* Chị N cho chị T1 vay 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/5/2023 do chính chị T1 viết và ký tên dưới mục Người vay, có người làm chứng là chị Đặng Thị Hồng Ngọc là cháu ruột của chị T1 hiện đang làm nhân viên tại spa của chị T1. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị T1 hẹn trả tiền chị N vào ngày 15/7/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị N cũng không lấy lãi của chị T1.

* Chị Đ cho chị T1 vay 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/10/2024 do chính chị T1 viết và ký tên dưới mục Người vay. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị T1 hẹn trả tiền chị Đ vào ngày 05/10/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị Đ cũng không lấy lãi của chị T1.

* Chị T cho chị T1 vay: 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/5/2023 do chính chị T1 viết và ký tên dưới mục Người vay, chị T ký tên dưới mục Người cho vay. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị T1 hẹn trả tiền chị T vào ngày 15/7/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị T cũng không lấy lãi của chị T1.

Tuy nhiên, kể từ khi vay cho đến nay, chị T1 chưa trả được tiền nợ cho chị N, chị Đ và chị T theo thoả thuận nêu trên, mặc dù chị N, chị Đ và chị T đã gặp nói chuyện nhiều lần nhưng chị T1 vẫn chưa trả.

Tiền cho chị T1 vay toàn bộ là tiền riêng của các đồng nguyên đơn, không liên quan gì đến chồng các đồng nguyên đơn.

Chồng chị N là anh Đỗ Anh Đức, sinh năm 1973; Chồng chị Đ là anh Nguyễn Văn Phụng, sinh năm 1968; Chồng chị T là anh Nguyễn Quốc Nguyên, sinh năm 1977;

Chồng của các đồng nguyên đơn đều không liên quan gì đến khoản tiền cho vay này nên các đồng nguyên đơn đều đề nghị Toà không đưa các anh chồng của các đồng nguyên đơn vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn, các đồng nguyên đơn làm đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà yêu cầu chị Đặng Thị T1 (chỉ yêu cầu chị T1, không yêu cầu ai khác) phải trả cho các đồng nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc: chị N là 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*); chị Đ là 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*); chị T là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai đồng nguyên đơn không yêu cầu chị T1 phải trả nợ lãi, tuy nhiên tại buổi hoà giải các đồng nguyên đơn không nhận thấy

sự thiện chí từ chị T1 nên các đồng nguyên đơn yêu cầu chị T1 phải trả lãi cho các đồng nguyên đơn kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm.

Ngoài ra, các đồng nguyên đơn yêu cầu chị Đặng Thị T1 bồi thường thiệt hại cho các đồng nguyên đơn chi phí đi lại, điện thoại, thuê luật sư, khởi kiện và các chi phí liên quan khác số tiền 250.000.000đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Liên quan đến chứng cứ chứng minh về khoản bồi thường này các đồng nguyên đơn xin được nộp cho Toà án sau.

* Theo Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn – chị Đặng Thị T1 trình bày: Chị có kinh doanh cửa hàng Spa. Khoảng đầu năm 2023 các bà Nguyễn Thị Hằng N, Nguyễn Thị Thuý Đ và Nguyễn Thị T là đồng nguyên đơn trong vụ án có đi Spa nên quen với chị tại cửa hàng Spa của chị ở căn hộ số 711, toà B, chung cư Thống Nhất Complex, số 82 Nguyễn Tuân, quận TX, thành phố Hà Nội. Do có nhu cầu đầu tư làm ăn, chị có hỏi vay các chị tiền, số tiền cụ thể như sau:

* Chị N cho chị vay 1.800.000.000đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/5/2023 do chính chị viết và ký tên dưới mục Người vay, có người làm chứng là chị Đặng Thị Hồng Ngọc là cháu ruột của chị hiện đang làm nhân viên tại spa của chị. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị hẹn trả tiền chị N vào ngày 15/7/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị N cũng không lấy lãi của chị.

* Chị Đ cho chị vay 260.000.000đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/10/2024 do chính chị viết và ký tên dưới mục Người vay. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị hẹn trả tiền chị Đ vào ngày 05/10/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị Đ cũng không lấy lãi của chị.

* Chị T cho chị vay: 600.000.000đồng (*Sáu trăm triệu đồng*); việc vay nợ này được lập Giấy vay tiền ngày 01/5/2023 do chính chị viết và ký tên dưới mục Người vay, chị T ký tên dưới mục Người cho vay. Theo nội dung Giấy vay nợ này thì chị hẹn trả tiền chị T vào ngày 15/7/2024, ngoài ra không còn thoả thuận nào khác, chị T cũng không lấy lãi của chị.

Tuy nhiên, kể từ khi vay cho đến nay, do làm ăn không may bị thua lỗ nên chị chưa có tiền trả nợ cho các đồng nguyên đơn được. Chị có nói chuyện xin các đồng nguyên đơn cho chị trả nợ dần hàng tháng, chứ không phải chị chây ì không trả.

Chị đã ly hôn chồng từ lâu. Hiện chị đang sống độc thân. Khoản tiền chị vay của các đồng nguyên đơn đều là do cá nhân chị đứng ra vay, không liên quan gì đến ai khác.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn, các đồng nguyên đơn làm đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà yêu cầu chị phải trả cho các đồng nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc: chị N là 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*); chị Đ là 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*); chị T là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

Trước đây các đồng nguyên đơn không yêu cầu chị phải trả nợ lãi. Chị thừa nhận từ khi ký giấy vay cho đến nay chị không trả nợ cho các đồng nguyên đơn, nhưng hiện nay kinh tế chị quá khó khăn, tiền gốc còn rất nhiều nên mong các đồng nguyên đơn miễn lãi cho chị.

Ngoài ra, các đồng nguyên đơn yêu cầu chị bồi thường thiệt hại cho các đồng nguyên đơn chi phí đi lại, điện thoại, thuê luật sư, khởi kiện và các chi phí liên quan khác số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

Quan điểm của chị: đề nghị Toà án hoà giải, đề nghị các đồng nguyên đơn tạo điều kiện cho chị được trả nợ dần hàng tháng cho các đồng nguyên đơn, mỗi tháng chị sẽ trả cho mỗi nguyên đơn khoảng 7.000.000đ/tháng. Còn về khoản tiền 250.000.000đ bồi thường, chị đề nghị các đồng nguyên đơn không yêu cầu, chị không đồng ý khoản tiền bồi thường này.

Tại phiên hoà giải:

- Đồng nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được các nội dung sau: Xác nhận nợ: Bị đơn xác nhận hiện còn nợ đồng nguyên đơn số tiền cụ thể như sau: nợ chị N là 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*) nợ gốc và 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; nợ chị Đ là 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc là 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; nợ chị T là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) nợ gốc và 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025. Bị đơn đã ly hôn chồng từ lâu, hiện độc thân. Đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ai khác. Bị đơn nhất trí về việc này vì khoản nợ này là do cá nhân bị đơn vay để làm ăn, không liên quan ai khác. Về tiền lãi: Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả nợ lãi cho các đồng nguyên đơn kể từ tháng 4/2025, với mức lãi suất 10%/năm, trên số dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chưa trả.

- Những nội dung không thống nhất được: Về khoản tiền bồi thường thiệt hại cho các đồng nguyên đơn chi phí đi lại, điện thoại, thuê luật sư, khởi kiện và các chi phí liên quan khác số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền này; Các đương sự chưa thoả thuận và thống nhất được thời hạn và phương thức trả nợ; Đồng nguyên đơn yêu cầu trả nợ Ny, bị đơn xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 7.000.000đ/1 nguyên đơn.

Tại phiên tòa: đồng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền đều có

mặt; bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Không ai xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Đồng nguyên đơn có quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại cho các đồng nguyên đơn chi phí đi lại, điện thoại, thuê luật sư, khởi kiện và các chi phí liên quan khác số tiền 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH có quan điểm về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự được trình bày ý kiến, quan điểm của mình; tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không hòa giải được do không thống nhất được phươngng thức, thời gian trả nợ. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán Nợ cho đồng nguyên đơn số tiền, cụ thể: trả chi N là 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*) nợ gốc và 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; trả chi Đ là 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc là 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; trả chi T là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) nợ gốc và 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả nợ lãi cho các đồng nguyên đơn kể từ tháng 4/2025, với mức lãi suất 10%/năm, trên số dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chưa trả. Tại phiên toà, đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” giữa đồng nguyên đơn với bị đơn - bà Đặng Thị T1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn LK, xã LB, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, đồng nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn

đều có mặt; Bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các chồng của đồng nguyên đơn đều có bản trình bày gửi về toà xác nhận toàn bộ số tiền đồng nguyên đơn vay đều là tiền riêng của đồng nguyên đơn, không liên quan gì đến các chồng của các đồng nguyên đơn và đề nghị Toà án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án, do đó Toà án không đưa chồng của các đồng nguyên đơn vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ pháp luật.

Bị đơn đã ly hôn chồng từ lâu, các đồng nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu một mình bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho các đồng nguyên đơn, nên Toà án không đưa ai khác về phía bị đơn vào tham gia tố tụng là có căn cứ pháp luật.

Về nội dung: Các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm yêu cầu buộc bị đơn phải trả nợ lãi cho đồng nguyên đơn, cụ thể đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn: trả chi N là 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*) nợ gốc và 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; trả chi Đ là 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc là 45.000.000đ (*bốn mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; trả chi T là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) nợ gốc và 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025; Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả nợ lãi cho các đồng nguyên đơn kể từ tháng 4/2025, với mức lãi suất 10%/năm, trên số dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chưa trả.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn đã nộp cho Toà án 03 giấy vay nợ gốc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đồng thời việc vay nợ này, số tiền nợ, tiền lãi và lãi phát sinh đều đã được bị đơn thừa nhận, cùng với đồng nguyên đơn tự nguyện thoả thuận và thống nhất tại buổi hoà giải tại toà án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và nợ lãi của các đồng nguyên đơn.

Đối với yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000đ của các đồng nguyên đơn, tại phiên toà các đồng nguyên đơn đều đã xin rút yêu cầu khởi kiện này, là sự tự nguyện của đồng nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận, số tiền là: 89.190.000đ (*Tám mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho các đồng nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 278, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ Luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại cho các đồng nguyên đơn chi phí đi lại, điện thoại, thuê luật sư, khởi kiện và các chi phí liên quan khác số tiền 250.000.000đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của các đồng nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hằng N, bà Nguyễn Thị Thuý Đ và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Đặng Thị T1 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền 1.800.000.000đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*) nợ gốc và 135.000.000đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025 và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc bà Đặng Thị T1 có trách nhiệm thanh toán Ny cho bà Nguyễn Thị Thuý Đ số tiền 260.000.000đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc và 45.000.000đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025 và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc bà Đặng Thị T1 có trách nhiệm thanh toán Ny cho bà Nguyễn Thị T số tiền 600.000.000đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) nợ gốc và 19.500.000đồng (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ lãi tạm tính đến hết ngày 31/3/2025 và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

T hợp bà T1 không trả nợ cho đồng nguyên đơn, thì các đồng nguyên đơn (từng người riêng) đều có quyền làm đơn đến Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu thi hành án bất kỳ tài sản nào của bà T1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 89.190.000đ (*Tám mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Hằng N tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng chẵn*) theo biên lai số 0012185 ngày 11/3/2025 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hoà.

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*) theo biên lai số 0012183 ngày 11/3/2025 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hoà (*do chị Nguyễn Thị Hằng N nộp thay*).

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Thuý Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số 0012184 ngày 11/3/2025 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hoà (*do chị Nguyễn Thị Hằng N nộp thay*).

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) đối với người vắng mặt. /.

Nơi nhân

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND H.□ng Hoà;
- Chi cục THA H.□ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; v/p.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa